TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan, ông Vũ An Quản

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1972.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại số 3/28 C, phường T2, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Trần Thế T**, sinh năm 1969.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 3/28 C, phường T2, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Trú tại số 1A/18 phố T1, phường T2, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thế T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/3/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh T tại nhà số 17 phố T1 nay là số 1A/18 phố T1,

phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương. Đến năm 1996, vợ chồng chị chuyển lên Hà Nội sinh sống. Năm 2004, vợ chồng chị mua nhà tại khu tập thể B2 Bình Minh, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương và chuyển về đây ở. Đến năm 2013, gia đình chị về ở tại nhà số 3/28 C, phường T2, thành phố Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái. Anh T sử dụng rượu thường xuyên dẫn đến không kiểm soát được cảm xúc, hành vi. Vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột nhiều lần sống ly thân. Sau đó, gia đình hai bên động viên, khuyên nhủ, chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng cuộc sống hôn nhân không cải thiện. Đỉnh điểm vào năm 2018, anh T say rượu chửi bới, xúc phạm chị thậm tệ nên chị yêu cầu anh T về nhà mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù anh T không muốn ly hôn vì muốn các con xây dựng gia đình xong mới giải quyết việc của vợ chồng, nhưng chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Hải D, sinh ngày 17/5/1995 và Trần Gia H1, sinh ngày 21/4/2003. Hiện nay, cháu D đã lập gia đình riêng, cháu Hân đang học đại học. Các con chung đều trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T khai thống nhất với chị H về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng. Tuy nhiên, anh T khai các mốc thời gian chuyển nhà như sau: năm 1997, vợ chồng lên Hà Nội sinh sống; năm 2004, chỉ có chị H về ở tại khu tập thể Bình Minh; năm 2007, anh về thành phố Hải Dương xây nhà ở số 3/28 C. Anh xác định vợ chồng từng ly thân khoảng 05 lần, bắt đầu từ năm 2009 sau đó cho nhau cơ hội quay về đoàn tụ nhưng không thành. Lần gần nhất vào năm 2018, vợ chồng ly thân, anh về nhà mẹ đẻ ở số 1A/18 T1. Từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh không đồng ý ly hôn vì muốn lo cho các con. Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Hải D, sinh ngày 17/5/1995 và Trần Gia H1, sinh ngày 21/4/2003. Các con chung đều trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, Uỷ ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương cung cấp: Chính quyền địa phương không nhận được thông tin phản ánh nào về mâu thuẫn của vợ chồng, xác định chị H và anh T mỗi người sống một nơi.

Tại Biên bản xác minh, Trưởng khu dân cư số 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương cung cấp: Chị H và anh T có thời gian chung sống tại số 3/28 phố C. Hiện nay, anh T không còn chung sống với chị H tại đây. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm.

Tại Biên bản xác minh, Trưởng khu dân cư số 3, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương cung cấp: Chị H và anh T đã sống ly thân. Anh T ở cùng mẹ đẻ tại số nhà 1A/18 phố T1 đã nhiều năm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 5, Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trần Thế T. Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.Về tài sản chung, về nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Thế T, hiện bị đơn đang cư trú tại phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trần Thế T vắng mặt đã có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Thế T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 3 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian 20 năm. Mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống dẫn đến nhiều lần vợ chồng sống ly thân. Mặc dù gia đình hai bên đã động viên, khuyên nhủ đồng thời cả hai cũng cho nhau cơ hội để hàn gắn mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Năm 2018, chị H và anh T tiếp tục sống ly thân, mỗi người một nơi. Trong thời gian hơn 04 năm, anh chị không còn quan tâm đến nhau, anh T không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình cho các con. Tuy nhiên, chị H kiên quyết xin ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, mục đích của cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được, đã không còn chung sống trong thời gian dài nên chị H xin ly hôn anh T là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T đều xác định có 02 con chung là Trần Hải D, sinh ngày 17/5/1995 và Trần Gia H1, sinh ngày 21/4/2003. Các con chung đều trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình: Chị H, anh T xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp cho hai bên gia đình không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Thế T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002681 ngày 28/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- UBND phường Trần Hưng Đạo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Diệu Linh